TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **554** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2022
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Ngọc Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Đỗ Thị Sỹ Long**

2. **Bà Bùi Thị Hạnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đồng Minh Hoàn** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2022/QĐST ngày 11/7/2022, giữa các đương sự

Nguyên đơn: Anh Vũ Ngọc A, sinh năm 1987; ĐKHKTT: xã N, huyện N, tỉnh N. Nơi ở: P405 H4 tập thể T, phường T, quận B, thành phố H (Anh A có mặt)

Bị đơn: **Chị Trần Thị Thu H**, sinh năm 1974; ĐKHKTT: Số 67 T, quận H, thành phố H. Nơi ở: P405 H4 tập thể T, phường T, quận B, thành phố H. Địa chỉ liên hệ: Số nhà 25 ngõ 106 C, phường L, quận Đ, thành phố H. Nơi làm việc: Tòa nhà M 106 C, phường L, quận Đ, thành phố H (Chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai gửi Tòa án, nguyên đơn - anh Vũ Ngọc A trình bày: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H kết hôn vào ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc do quá chênh lệch về tuổi tác. Anh, chị đã sống ly thân. Anh A đã chuyển ra ngoài

sinh sống, không sống cùng nhà với chị H. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở và các khoản nợ: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về tình cảm: Chị Trần Thị Thu H và anh Vũ Ngọc A kết hôn vào ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Trong quá trình chung sống hạnh phúc, từ khoảng tháng 01 năm 2022 mới phát sinh mâu thuẫn do anh A muốn chị H đưa tiền để làm ăn nhưng chị H không đáp ứng, bên cạnh đó anh A có quan hệ tình cảm với người khác nên anh A đã gây chuyện với chị H và nộp đơn xin ly hôn đơn phương. Anh chị mới ly thân nhưng thỉnh thoảng chị H vẫn về sống chung cùng nhà với anh A tại P405 H4 tập thể T, phường T, quận B, thành phố H vì nhà này là của chị H. Chị H vẫn còn tình cảm với anh A nên chị H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Vũ Ngọc A không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Vũ Ngọc A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Vũ Ngọc A vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thu H. Anh A giữ nguyên các yêu cầu về con chung, về tài sản chung và nhà ở; Về nợ chung như đã trình bày. Anh A khẳng định anh A và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mâu thuẫn đã rất trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ. Anh đã nộp đơn ly hôn lần thứ nhất tại Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm vào đầu tháng 4/2021, lần thứ hai nộp đơn ly hôn vào tháng 01/2022 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình, và lần này là lần thứ ba anh nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Việc chị H cho rằng anh A ngoại tình là không đúng, tất cả các bản ảnh chị H nộp cho Tòa đều là cảnh diễn trong một bộ phim mà anh A được mời làm diễn viên. Các tin nhắn qua lại cũng chỉ là tin nhắn bạn bè trêu đùa nhau chứ trong thực tế không có việc anh A quan hệ ngoài hôn nhân với người khác.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng theo Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Đối với đương sự, nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Điều 234 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 42; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 63; khoản 4 Điều 70; khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Ngọc A. Anh Vũ Ngọc A được ly hôn với chị Trần Thị Thu H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không có nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị Trần Thị Thu H sinh sống tại địa chỉ P405 H4 tập thể T, phường T, quận B, thành phố H. Vì vậy, Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh A với lý do anh A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên từ cuối tháng 01 năm 2022 giữa hai bên mới phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Chị H vẫn còn tình cảm với anh A nên chị H không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng chung thủy thương yêu nhau, tôn trọng danh dự và uy tín cho nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Rõ ràng cuộc hôn nhân của anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không đạt được mục đích đó. Anh A và chị H đã sống ly thân, anh A đã chuyển ra ngoài sinh sống, không tiếp tục sống

cùng chị H tại phường T, quận B, thành phố H. Nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, anh A làm đơn xin ly hôn chị H là phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Vũ Ngọc A.

Về con chung: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không có con chung nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung và nhà ở: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về khoản nợ: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Anh Vũ Ngọc A phải chịu án phí sơ thẩm.

Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; khoản 4 Điều 147; các Điều 203; 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Vũ Ngọc A.

Anh Vũ Ngọc A được ly hôn với chị Trần Thị Thu H

2**.** Về con chung: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không có con chung nên Tòa án không xem xét.

3.Về tài sản chung và nhà ở: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4.Về khoản nợ: Anh Vũ Ngọc A và chị Trần Thị Thu H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Vũ Ngọc A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0068046 ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, Anh Vũ Ngọc A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Chi cụcTHADS quận Ba Đình, TP.HN;*
- *UBND xã N, huyện N,tỉnh N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Ngọc Liên